

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/HS-ST
Ngày 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 178/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐST - HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 22/2024/TB - TA ngày 06/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T; sinh ngày 08/12/1991 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/7/2024, chuyển tạm giam ngày 20/7/2024 (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P, có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị H; sinh ngày 11/9/1970 tại thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Q, huyện U, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ A, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: buôn bán tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Viết X, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị H1, sinh năm 1949; bị cáo có chồng là Nguyễn Đình T2, sinh năm 1968 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/11/2024 (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P, có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Công ty TNHH T4

Địa chỉ: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Vương Nguyệt N1 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Minh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là tài xế tại Công ty TNHH T4, địa chỉ: khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do bà Vương Nguyệt N1 làm giám đốc. T được công ty giao cho xe ô tô biển số 72H-034.15 để vận chuyển hàng hóa theo sự phân công của Công ty, sau khi hoàn thành công việc thì T phải đưa xe về bãi để giao lại cho Công ty quản lý. Quá trình làm việc do lương thấp nên T muốn nghỉ làm để xin công việc khác, T cũng nảy sinh luôn ý định trộm các lốp xe, mâm xe dự phòng (sơ cua) của xe ô tô biển số 72H-034.15 và các lốp xe, mâm của các xe khác để trong kho vật tư của Công ty T4 để bán lấy tiền tiêu xài trước khi nghỉ việc.

Khoảng 9 giờ ngày 09/6/2024, T đi đến tiệm vá vỏ xe của Phạm Thị H tại khu vực Cổng vòm P thuộc khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, T hỏi H có mua lốp xe và mâm xe mới không, H trả lời có nên T xin số điện thoại của H. Khoảng 10 giờ ngày 10/6/2024, thời điểm này T không được Công ty T4 phân công vận chuyển hàng hóa, xe ô tô BKS: 72H-034.15 đang được để trong bãi xe của Công ty T4. Lúc này, T tự ý đi vào Công ty và lén lút điều khiển xe ô tô BKS: 72H-034.15 chạy đi. Sau đó, T điều khiển xe đến tiệm vá vỏ của H rồi tháo lốp xe dự phòng của xe ô tô biển số 72H-034.15 (gồm một 01 lốp xe, 01 mâm xe đang gắn liền với nhau) bán cho H với giá 5.000.000 đồng. H biết lốp xe dự phòng của T bán là tài sản trộm cắp mà có nên chỉ đồng ý mua với giá 3.800.000 đồng.

Tiếp đến khoảng 12 giờ ngày 10/6/2024, nhận thấy kho vật tư của Công ty T4 không có ai trông coi, T đi bộ đến kho và lấy trộm 01 lốp xe dự phòng lăn ra đưa lên xe ô tô biển số 72H-034.15. Sau đó, T chở chiếc lốp dự phòng đến đến tiệm của H bán cho H với giá 3.800.000 đồng. Cùng thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ 07 giờ đến 10 giờ ngày 11/6/2024, T tiếp tục 02 lần lấy trộm 02 lốp xe dự phòng tại kho vật tư của Công ty T4 rồi đưa lên xe ô tô biển số 72H-034.15 chở đến bán cho H với giá 3.800.000 đồng mỗi lốp xe. Tổng cộng, T đã 04 lần lấy trộm 04 lốp xe dự phòng (gồm một 01 lốp xe, 01 mâm xe gắn liền với nhau) của Công ty T4 rồi bán cho Phạm Thị H 04 lần được tổng số tiền là 15.200.000 đồng. Tất cả số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐ.ĐGTS ngày 10/7/2024 của Hội Đồng định giá trong tổ tụng hình sự - UBND thị xã P, kết luận:

+ 01 mâm của Sơ mi rơ mooc, loại 9.00-22.5, 10 lỗ, xuất xứ Trung Quốc, mua mới vào tháng 05/2024, chưa qua sử dụng. Tại thời điểm ngày 10/6/2024 tài sản có giá trị là: 5.200.000 đồng/mâm.

+ 01 lớp của Sơ mi rơ mooc, loại 12R22.5, 18pr, gai xuôi GS621, nhãn hiệu Casumina, xuất xứ Việt Nam, mua mới vào tháng 05/2024, chưa qua sử dụng. Tại thời điểm ngày 10/6/2024 tài sản có giá trị là: 3.100.000 đồng/lớp.

Về vật chứng:

- Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã thu giữ và trả lại 04 mâm của Sơ mi rơ mooc, loại 9.00-22.5, 10 lỗ; 04 lớp của Sơ mi rơ mooc, loại 12R22.5, 18pr, gai xuôi GS621, nhãn hiệu Casumina cho ông Lưu Minh K – Đại diện hợp pháp của người bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 1247/QĐ ngày 26/7/2024.

- 01 USB lưu trữ đoạn Video ghi lại hình ảnh Nguyễn Ngọc T3 trộm cắp tài sản của Công ty T4 lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Phạm Thị H yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường số tiền 15.200.000 đồng, hiện T đã bồi thường cho bị cáo H số tiền 8.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 164/CT-VKS ngày 10/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Về hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc T mức án từ 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Thị H mức án từ 07 (bảy) tháng đến 11 (mười một) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Công an thị xã P đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho Công ty TNHH T4-ĐT Khải An nên đã xử lý xong.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Thị H phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với kết quả chỉ dẫn hiện trường, với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 10/6/2024, tại Công ty TNHH T4 ở khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 lớp dự phòng của xe ô tô biển số 72H-034.15 (gồm 01 lớp xe, 01 mâm xe đang gắn liền với nhau) trị giá 8.300.000 đồng rồi mang đến tiệm vá vỏ xe của Phạm Thị H tại khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bán cho H với giá 3.800.000 đồng.

Tiếp đến khoảng 12 giờ ngày 10/6/2024, tại kho vật tư của Công ty TNHH T4, Nguyễn Ngọc T tiếp tục lấy trộm 01 lớp dự phòng xe ô tô trị giá 8.300.000 đồng rồi mang đến bán cho H với giá 3.800.000 đồng.

Vào khoảng 07 giờ đến 10 giờ ngày 11/6/2024, tại kho vật tư của Công ty T4, Nguyễn Ngọc T tiếp tục thêm 02 lần lấy trộm 02 lớp dự phòng của xe ô tô trị giá 8.300.000 đồng/01 lớp rồi mang đến bán cho H mỗi lớp xe dự phòng với giá 3.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Ngọc T đã trộm cắp của Công ty TNHH T4-ĐT Khải An là 33.200.000 đồng.

Các lần mua lớp xe Phạm Thị H đều biết rõ 04 lớp xe ô tô trên là do Nguyễn Ngọc T trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nên vẫn đồng ý mua.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Phạm Thị H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[3.3]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[4]. Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T là công dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Phạm Thị H là công dân đã trưởng thành, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi T đem các lớp xe ô tô dự phòng đến bán, H biết đây không phải là tài sản của T mà do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để nhằm bán lại kiếm lời. Do đó đối với bị cáo cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T4 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T xác định đã bán các tài sản trộm cắp cho bị cáo H và bị cáo H đã thanh toán cho T 15.200.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước, tuy nhiên bị cáo T đã trả lại cho bị cáo H số tiền 8.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo T nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 7.200.000 đồng, bị cáo H nộp Ngân sách nhà nước số tiền 8.000.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, Phạm Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Ngọc T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2024.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Thị H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2024.

3. Về tiền thu lợi bất chính: Buộc Nguyễn Ngọc T nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng), Phạm Thị H nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

4. Về án phí: Buộc Nguyễn Ngọc T, Phạm Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền

